Chia động từ trong ngoặc

1. The sun always_____(**rise**) in the east.
2. It _____(be) sunny tomorrow.
3. In my country, it _____(**not, rain**) much in winter.
4. The moon _____(**move**) around the earth.
5. Jane (**leave**)_____just a few minutes ago.
6. She (study)_____ at the library tonight.
7. Next year _____(be) very exciting.
8. Anne _____ her bike next week. (repair)
9. Mai _____(**be**) very happy because she has 3 good marks today.
10. I like_____(**play**) tennis.
11. I _____(take) you with me next month.
12. My brother _____(**enjoy**) playing football. He usually _____(**play**) football every afternoon.
13. You (travel) _____ around the world in 2023.
14. I (**invite**)_____them to my birthday party yesterday, however, they (**not come**) _____.
15. He (travel)_____ to France next year.
16. Anna's family (**like**)_____ the park because they love (**be**)_____outdoors.
17. They _____ their essay tomorrow. (write)
18. _____ you (be)_____ home tomorrow morning?
19. Tonight I (eat)_____ dinner with my family.
20. I (drop)_____by her house on the way to work tomorrow.

– I/You/We/They + V + O

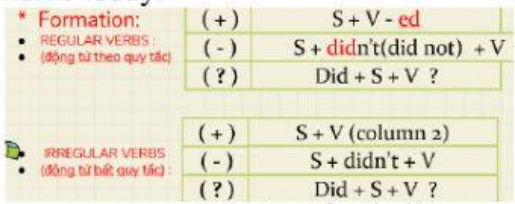
– She/He/It +V(s/es) + O

– I/You/We/They + don't (do not) + V

– She/He/It + doesn't (does not) + V

– Do + You/They/We + V+O?
– Does + She/He/It + V +O?

Khẳng định	S + will + V + O. VD: James will open the door.
Phủ định	S + won't (will not) + V + O. VD: James won't open the door
Nghi vấn	Will + S + V + O? VD: Will James open the door?



Bước làm:

- Tìm dấu hiệu trong câu => thì của câu là thì gì.
- Sau khi xác định thì, nhìn xem đó là thể khẳng định hay phủ định, nghi vấn?
- - Xem cấu trúc của từng thể và áp dụng vào câu.

LIVEWORKSHEETS